

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v chị Phan Thu H ly hôn anh

Nguyễn Ngọc Minh C

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh

Ông Nguyễn Đại Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa: Ông Trần Thị Nhâm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thu H, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: xóm Nam, thôn T, xã T, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Minh C, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Đội 9, thôn B, xã H, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Phan Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc Minh C tự nguyện kết hôn đăng ký ngày 11/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến khi sinh con ngày 24/02/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, sinh hoạt, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến chị Hương có dấu hiệu trầm cảm sau sinh. Do mâu thuẫn quá trầm trọng vợ chồng sống ly thân nhau, chị Hương về nhà bố mẹ đẻ ở xã Tiên Phong, Mê Linh, TP. Hà Nội. Chị cũng đã nhiều lần cố gắng nói chuyện tìm hướng giải quyết hàn gắn tình cảm, nhưng giữa hai vợ chồng đã hết tình cảm, hai người không còn tiếng nói chung xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được, đời sống chung vợ

chồng không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 24/02/2020. Do điều kiện sức khỏe có dấu hiệu trầm cảm sau sinh, và không đủ điều kiện nuôi con, hiện con chung đang ở với anh C. Vì vậy chị nhất trí giao con chung cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Linh, sau này thay đổi người nuôi con chung vợ chồng thỏa thuận sau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phí bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Minh C trình bày: Anh và chị Hương có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Tiến năm 2020. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị Hương tự ý bỏ nhà đi, bỏ con lại cho anh C. Chị Hương ly hôn anh cần có thời gian suy nghĩ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 24/2/2020, vợ chồng ly hôn anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị Hương cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Anh C không trình bày có yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt văn đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Hương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Phan Thu H có yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc Minh C. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh C cư trú: Đội 9, thôn Bạch Tuyết, xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Mỹ Đức, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2 *Về trình tự tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc Minh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh C. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 *Xét quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thu H và anh Nguyễn Ngọc Minh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2020 tại UBND xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn: Chị Hương trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị có dấu hiệu bệnh trầm cảm sau sinh. Vợ chồng sống được một thời gian ngắn sau khi sinh con thì anh chị sống ly thân nhau, chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, chị xác định không còn tình cảm gì với anh C đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Ngoài lời khai của chị Hương thì tòa án tiến hành xác minh ở địa phương về quá trình chung sống vợ chồng sống được một thời gian thì ly thân nhau, hiện chị Hương không còn ở địa phương. Đại diện chính quyền đề nghị giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, quá trình giải quyết ly hôn Tòa án đã triệu tập, thông báo, liên lạc cho anh C, nhưng anh C cố tình trốn tránh không hợp tác, tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do, anh C trình bày cần có thời gian suy nghĩ nhưng khi Tòa án hòa giải anh không lên làm việc thể hiện không có thiện chí để hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, vợ chồng chị Hương anh C đã ly thân và có mâu thuẫn là thật. Xét thấy, mâu thuẫn trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị Phan Thu H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 *Về con chung*: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 24/02/2020. Chị Hương đề nghị giao con chung cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng, quan điểm của anh C xin nuôi con vì hiện nay con chung đang ở với anh, do anh trực tiếp chăm sóc. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự. Mặc dù con chung dưới 36 tháng tuổi, nhưng chị Hương nhất trí và đề nghị giao con chung cho anh C nuôi là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc giao con chung cho anh C được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, anh C không yêu cầu chị Hương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản, công nợ chung*: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét

2.4 *Về án phí*: Chị Hương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thu H, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Minh C

- Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Nguyễn Khánh Linh, sinh ngày 24/02/2020. Sau ly hôn giao cháu Linh cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh C không yêu cầu chị Hương phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Hương có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002862 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo

bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)